

Bản án số: 17/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28/12/2022

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ B, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Tô Loan.**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Lù Văn Lả.**

Ông **Quàng Văn Minh.**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Lò Thị Hoà**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện ĐB, tỉnh Điện Biên;

Ngày 28 tháng 12 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện ĐB, tỉnh Điện Biên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2022/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2022 về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09a/2022/QĐXXST- HNGĐ, ngày 24 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2022/QĐST- HNGĐ ngày 12/12/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Cà Thị Hồng N**; sinh năm: 1990.

HKTT: Bản L (Đội 4 cũ), xã TL, huyện ĐB, tỉnh Điện Biên.

Nơi cư trú hiện tại: Bản CP, xã TN, huyện ĐB, tỉnh Điện Biên (có mặt tại phiên tòa).

2. Bị đơn: Anh **Lường Tiến D**; sinh năm: 1986.

Địa chỉ: Bản L (Đội 4 cũ), xã TL, huyện ĐB, tỉnh Điện Biên (vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 20/9/2022 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Cà Thị Hồng N trình bày:

1. Về hôn nhân: Chị Cà Thị Hồng N và anh Lường Tiến D kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc, có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã TL, huyện ĐB, tỉnh Điện Biên vào ngày 22/10/2013 trên cơ sở tự nguyện không bị ai ép buộc. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc, sau đó đến năm

2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, quan điểm sống bất đồng, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không có tiếng nói chung. Chị N và anh D đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay, không ai còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc. Vì vậy chị N đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện ĐB, tỉnh Điện Biên giải quyết cho ly hôn với anh Lương Tiến D.

2. Về con chung: Vợ chồng chị Cà Thị Hồng N và anh Lương Tiến D có 02 con chung là cháu Lương Trúc L; sinh ngày 27/01/2016 và cháu Lương Tiến Đạt; sinh ngày 04/9/2018. Nguyên vọng sau khi ly hôn chị N sẽ là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục nuôi các con chung cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên hoặc khi có thay đổi khác. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản riêng; tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về và diện tích ruộng nương: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 07/10/2022, sau khi thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện ly hôn của chị Cà Thị Hồng N. Tòa án nhân dân huyện ĐB, tỉnh Điện Biên đã thông báo thụ lý vụ án số: 09/2022/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2022 và đã liên lạc bằng điện thoại, xuống tổng đạt trực tiếp cho anh Lương Tiến D tuy nhiên đã đến nhiều lần nhưng anh D không có mặt ở nhà, liên lạc bằng điện thoại thì anh D từ chối nhận, anh D không hợp tác và cũng không có ý kiến phản hồi bằng văn bản cho Tòa án. Tòa án đã làm việc với Trưởng bản L (đội 4 cũ), xã TL, huyện ĐB, tỉnh Điện Biên nơi anh D cư trú thì Trưởng bản L (đội 4 cũ), xã TL, cho biết anh D đăng ký hộ khẩu thường trú tại bản L (đội 4 cũ), xã TL, huyện ĐB, tỉnh Điện Biên nhưng hiện nay anh D đi đâu, làm gì chính quyền địa phương không rõ chỉ thấy anh D đi về nhà thất thường. Do đó, Tòa án đã phải thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng bằng hình thức niêm yết công khai theo quy định của pháp luật tại Bản L (đội 4 cũ), xã TL, huyện ĐB, tỉnh Điện Biên và UBND xã TL, huyện ĐB; Tòa án nhân dân huyện ĐB, tỉnh Điện Biên nhưng đến thời điểm này anh D cũng không có ý kiến phản hồi. Do vậy, Tòa án không thể tiến hành hoà giải được, Tòa án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09a/2022/QĐXXST- HNGĐ, ngày 24 tháng 11 năm 2022, tại phiên tòa anh D vắng mặt không lý do. Hội đồng xét xử đã ra Quyết định hoãn phiên tòa, phiên tòa xét xử vụ án được ấn định vào hồi 15 giờ 30 phút ngày 28/12/2022. Tất cả các thủ tục như: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và

hòa giải và Thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập đương sự đều được Tòa án niêm yết công khai theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Lường Tiến D đã được triệu tập họp lệ 02 lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227/BLTTDS, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo đúng quy định. Chị Cà Thị Hồng N vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề con chung; về quan hệ tài sản không yêu cầu Tòa án giải quyết như nội dung trong đơn khởi kiện và bản tự khai chị đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 03/10/2022 chị Cà Thị Hồng N nộp đơn khởi kiện về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện ĐB, tỉnh Điện Biên đối với anh Lường Tiến D có địa chỉ tại Bản L (đội 4 cũ), xã TL, huyện ĐB, tỉnh Điện Biên. Ngày 07/10/2022 chị N đã nộp tạm ứng án phí theo Điều 146 Bộ luật tố tụng Dân sự (sau đây ghi tắt là BLTTDS) và nộp biên lai thu tiền tạm ứng án phí cho Tòa án, cùng ngày Tòa án đã thụ lý vụ án để giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị N theo Điều 195 BLTTDS.

Về thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu Ly hôn giữa chị Cà Thị Hồng N và anh Lường Tiến D thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện ĐB, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Các vấn đề khác: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện ĐB, tỉnh Điện Biên đã thực hiện đúng qui định tại các Điều 177; Điều 179/ BLTTDS, việc anh D không thực hiện quyền và nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70; Điều 72/BLTTDS là do anh D đã tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Cho nên căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227/BLTTDS. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung.

[2.1] Xét về hôn nhân: Chị Cà Thị Hồng N và anh Lường Tiến D có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã TL, huyện ĐB, tỉnh Điện Biên. Như vậy hôn nhân giữa chị N và anh D đảm bảo về điều kiện kết hôn, đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình và là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc và đã có 02 con chung. Theo chị N cuộc sống vợ chồng thời gian đầu có hạnh phúc, sau đó đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, quan điểm sống bất đồng, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không có tiếng nói chung. Chị N và anh D đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay, không ai còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. nay chị N xin được ly hôn với anh D. Tòa án đã thông báo cho anh D được biết, nhưng anh D từ chối nhận và anh D không hợp tác và cũng không có ý kiến phải hỏi bằng văn bản cho Tòa án. Tòa án đã triệu tập anh D nhiều lần đều vắng mặt và vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; vắng mặt tại các buổi hòa giải do Tòa án tổ chức nên không hòa giải được. Tòa án đã tiến hành mọi thủ tục niêm yết theo đúng quy định của pháp luật, nhưng anh D vẫn không đến Tòa. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh D đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa chị N vẫn giữ nguyên quan điểm và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D. Hội đồng xét xử xét thấy, để đảm bảo quyền lợi của đương sự và để giải phóng cho chị N khỏi tình trạng hiện tại khi mà hôn nhân không thể đem lại hạnh phúc, nên chấp nhận đơn xin ly hôn của chị N và áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, xử cho ly hôn giữa chị Cà Thị Hồng N và anh Lương Tiến D.

[2.2] Xét về con chung: Chị Cà Thị Hồng N có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các con chung là cháu Lương Trúc L; sinh ngày 27/01/2016 và cháu Lương Tiến Đạt; sinh ngày 04/9/2018. Xét thấy cháu Lương Trúc L và cháu Lương Tiến Đạt còn nhỏ rất cần mẹ chăm sóc, nuôi dưỡng vì hiện tại anh D cũng thường xuyên vắng nhà, đi đâu làm gì gia đình cũng không ai biết, từ khi vợ chồng ly thân, chị N là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu cho đến nay. Tại phiên tòa chị N trình bày hiện nay chị có nhà riêng và thu nhập ổn định. Như vậy xét thấy hiện tại chị N mới là người có đủ điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc các con chung.

Theo đơn xác nhận tình trạng hôn nhân của chị N cung cấp cho Tòa án đã được Lãnh đạo bản L (đội 4 cũ), xã TL, huyện ĐB, tỉnh Điện Biên và UBND xã TL, huyện ĐB xác nhận thì vợ chồng chị N và anh D khi còn chung sống đã thường xảy ra mâu thuẫn cãi nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung, bản thân anh chị đã sống ly thân từ lâu, không ai còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa, anh D thường xuyên vắng nhà đi đâu và làm gì chị N và Lãnh đạo Bản cũng không biết, vì vậy anh D không đủ điều kiện và thời gian chăm sóc các con chung, không đảm bảo được sự phát triển của trẻ. HĐXX thấy rằng hiện tại chị N mới là người có

đủ điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc các con chung. Căn cứ Điều 69 và Điều 81; Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận nguyện vọng của chị N. HĐXX giao các con chung cho chị N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên hoặc khi có khả năng lao động. Anh D có quyền đi lại thăm con chung không ai được cản trở.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện nuôi con của chị N.

[3] Xét về tài sản: Về tài sản riêng; tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về và diện tích ruộng nương: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết. HĐXX không xem xét.

[4] Về nghĩa vụ chịu án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Cà Thị Hồng N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Cà Thị Hồng N và anh Lương Tiến D.

2. Về con chung: Giao các con chung là cháu Lương Trúc L; sinh ngày 27/01/2016 và cháu Lương Tiến Đạt; sinh ngày 04/9/2018 cho chị Cà Thị Hồng N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên hoặc khi có thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về chia tài sản chung; Tài sản riêng; Tài sản chung; Nợ phải trả; Nợ lấy về; diện tích ruộng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Cà Thị Hồng N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí DSST chị N đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005056 ngày 07/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐB, tỉnh Điện Biên. Chị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự chị Cà Thị Hồng N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Lương Tiến D vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND HDB;
- Các đương sự;
- UBND xã TL, HDB, tỉnh ĐB;
- Chi cục THADS HDB;
- Lưu VP;
- Tòa án tỉnh ĐB;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Tố Loan